

Bản án số: 07 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Tới;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neàng Đa L, sinh năm 1996, cư trú: khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Chau Sô N, sinh năm 1995, cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 10 năm 2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Neàng Đa L trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Về hôn nhân: Bà và ông Chau Sô N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn, ngày 29 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm việc tại Đồng Nai, cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông N thường xuyên đánh bài và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên từ tháng 6 năm 2016 vợ chồng sống ly thân từ đó. Do đó, bà Neàng Đa L yêu cầu được ly hôn với ông Chau Sô N.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Chau Sô N vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông Chau Sô N có ý kiến trình bày như sau:* Ông và bà Neàng Đa L tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Neàng Đa L; Về con chung: không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Neàng Đa L và ông Chau Sô N có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy từ tháng 6 năm 2016 giữa bà Đa L và ông Sô N đã xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Ông Chau Sô N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Neàng Đa L. Do đó, có cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn này.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Bà Neàng Đa L .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà Neàng Đa L có mặt, ông Chau Sô N đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Neàng Đa L và ông Chau Sô N đều vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Neàng Đa L và bị đơn Chau Sô N được triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau Sô N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Neàng Đa L và ông Chau Sô N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn, ngày 29 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm bà Đa L và ông Sô N không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2016, theo lời khai của các bên đều thống nhất ly hôn. Do vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử thấy rằng giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà Neàng Đa L là có căn cứ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Neàng Đa L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Chau Sô N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neàng Đa L xin ly hôn với ông Chau Sô N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Neàng Đa L và Ông Chau Sô N.
2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neàng Đa L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014434 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Neàng Đa L đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND thị trấn Nhà Bàng;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Tới Huỳnh Thị Thanh

Võ Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chau Cương Phạm Thanh Hải

Võ Thị Ngọc Mỹ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH ANGIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh Biên, ngày 10 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018,

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Cương;

Ông Phạm Thanh Hải.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương Thuý, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 9, khóm Xuân Hoà, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (Có mặt);

- *Bị đơn*: Ông Tạ Phi Hùng, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 9, khóm Xuân Hoà, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 4 khóm Xuân Hiệp, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp xin ly hôn*”: Biểu quyết 3/3
- Về áp dụng pháp luật:
 - Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
 - Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

- Về nội dung vụ án:
 1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Thuý.
 - Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Phương Thuý và ông Tạ Phi Hùng là vợ chồng.
 - Về con chung: Tạ Thị Yến Nhi, sinh năm 1992 và Tạ Thị Thanh Trúc, sinh năm 1997 (đã trưởng thành).
 - Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.
 - Về nợ chung: không có.
 2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương Thuý phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004052 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Thuý đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ